

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Biểu mẫu 18

*Kèm theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo*

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, năm học 2022 - 2023
(Về các học phần của từng khóa học, chuyên ngành, thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp)

NGÀNH: GIÁO DỤC ĐẶC BIỆT

1. Công khai các học phần của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
1.	Triết học Mác – Lênin	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, giúp người học xây dựng thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. Trên cơ sở đó, người học có khả năng bảo vệ quan điểm cá nhân, thích ứng với những thay đổi để giải quyết vấn đề một cách độc lập, sáng tạo và hiệu quả.	3	Học kỳ 1	Thuyết trình nhóm, Tự luận
2.	Pháp luật đại cương	Học phần giúp người học có kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất và đặc trưng của nhà nước và pháp luật; nội dung cơ bản của Hiến pháp Việt Nam; quy phạm pháp luật; khái quát về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đồng thời thể hiện được tinh thần trách nhiệm của người công dân toàn cầu với tinh thần quan tâm, chia sẻ và giúp đỡ mọi người	2	Học kỳ 1	Trắc nghiệm
3.	Tâm lý học đại cương	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về bản chất, đặc	2	Học kỳ 1	Trắc nghiệm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		điểm các hiện tượng tâm lý và các quy luật tâm lý của con người (nhận thức, tình cảm, ý chí, hành động và nhân cách...). Trên cơ sở đó, người học vận dụng kiến thức vào thực tế để nhận diện, phân biệt và giải thích được các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người, góp phần định hướng cho hoạt động của người học.			
4.	Giáo dục thể chất 1	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về rèn luyện thể chất và tập luyện thể dục thể thao thông qua các bài tập thể dục phát triển chung, bài tập thể lực, chạy cự li ngắn. Trên cơ sở đó người học vận dụng vào kỹ năng vận động trong cuộc sống, tự rèn luyện nâng cao sức khỏe trong học tập và rèn luyện thể chất.	1	Học kỳ 1	Thực hành
5.	Giáo dục quốc phòng - an ninh 1	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trên cơ sở này, người học phân tích được những đặc trưng của nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc. Học phần sẽ giúp người học hiểu để chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh và có trách nhiệm trong các hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc do nhà trường, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức.	3	Học kỳ 1	Tự luận
6.	Tiếng Việt thực hành	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về tiếng Việt (chính tả, sử dụng từ ngữ, viết câu, viết đoạn, soạn thảo văn bản). Trên cơ sở này, người học vận dụng những tri thức đó để sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong quá trình học tập, làm việc nói riêng cũng như trong cuộc sống nói chung.	2	Học kỳ 1	Tự luận
7.	Âm nhạc cơ bản	Học phần giúp người học hiểu biết các kiến thức nhạc lí cơ bản, thể loại âm nhạc, nâng cao khả năng cảm thụ âm nhạc; hình thành và vận dụng các kỹ năng âm nhạc cơ bản như xướng âm, hát đúng giai điệu, nhịp điệu... Trên cơ sở đó, học phần góp phần giúp người học có thể chọn lựa các tác giả và tác phẩm âm nhạc thích hợp cho	2	Học kỳ 1	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		trẻ làm quen, góp phần phát triển khả năng cảm thụ và thể hiện âm nhạc của trẻ mầm non.			
8.	Mỹ thuật cơ bản	Học phần mỹ thuật cơ bản là học phần tự chọn bắt buộc thuộc khối nền tảng gồm 6 phần lý thuyết và 2 bài thực hành - tiểu luận. Thông qua học phần, người học lĩnh hội các kiến thức, kỹ năng cơ bản về ngôn ngữ đặc trưng nghệ thuật của môn Mỹ thuật. Một cách chung nhất như: phương pháp sáng tác của mỹ thuật, các khoa học về màu sắc, hình dạng, các kỹ năng tạo màu mới, phối hợp màu sắc, bố cục hài hòa	2	Học kỳ 1	Tự luận
9.	Chăm sóc trẻ em trong trường học	Học phần giúp người học hiểu đặc điểm cơ thể trẻ em độ tuổi mầm non và tiểu học để có thể đề ra kế hoạch chăm sóc và đảm bảo an toàn trong lớp học cho học sinh; hiểu đặc điểm của các tác nhân gây bệnh từ đó có thể đề ra các biện pháp diệt mầm bệnh, nhận biết qua cảm quan các triệu chứng đặc trưng của các bệnh truyền nhiễm thường gặp, xử trí tình huống được khi phát hiện có trẻ nghi ngờ mắc bệnh truyền nhiễm các bệnh phổ biến trong lớp học; kể được qui trình sơ cấp cứu một số tai nạn trong trường học; cập nhật được các qui định pháp luật về vệ sinh trong trường học và biết cách đề xuất các biện pháp vệ sinh phù hợp trong nhà trường.	4	Học kỳ 1	Tự luận
10.	Kinh tế chính trị học Mác – Lênin	Học phần giúp người học lĩnh hội những nội dung cơ bản về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, người học nhận thức được trách nhiệm đối với bản thân và trách nhiệm với Tổ quốc; tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ 2	Tiểu luận
11.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần giúp người học trang bị những tri thức cơ bản về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở này, người học tuân thủ, chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có khả năng tham	2	Học kỳ 2	Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm, Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		gia xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học với sự tham gia của các bên có liên quan.			
12.	Giáo dục thể chất 2	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lịch sử, kỹ thuật một môn Thể thao (đặc điểm, tính chất tác dụng, nguyên lý kỹ thuật động tác cơ bản). Trên cơ sở đó người học vận dụng kiến thức trong việc tập luyện một môn Thể thao ở cấp độ đơn giản để nâng cao sức khỏe trong học tập và rèn luyện thể chất.	1	Học kỳ 2	Thuyết trình nhóm, Tự luận
13.	Giáo dục quốc phòng - an ninh 2	Học phần giúp người học lĩnh hội được những nội dung cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh, phân tích được những quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quốc phòng và an ninh. Trên cơ sở đó, người học chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và vận dụng vào việc phòng chống một số loại tội phạm trong tình hình mới.	2	Học kỳ 2	Thực hành
14.	Braille Việt ngữ	Học phần cung cấp những kiến thức về lịch sử hình thành chữ Braille, quy tắc đọc viết hệ thống ký tự Braille Việt ngữ ở mầm non và tiểu học. Ngoài ra, các công cụ hỗ trợ đọc viết chữ Braille và phần mềm công nghệ thông tin chuyển đổi từ chữ in sang chữ Braille cũng được đề cập trong nội dung học phần. Trên cơ sở đó, người học hình thành được khả năng đọc và viết các ký tự Braille Việt ngữ để vận dụng cho quá trình dạy học và giáo dục học sinh khiếm thị ở trường mầm non, tiểu học.	3	Học kỳ 2	Tự luận
15.	Bàn toán Soroban	Học phần giúp người học hiểu được vai trò của bàn toán soroban trong dạy học cho học sinh khiếm thị, ứng dụng các kiến thức bàn toán và các phép toán để sử dụng bàn toán Soroban, thực hiện các phép toán cộng-trừ-nhân-chia số tự nhiên, số thập phân, và phân số, làm cơ sở cho việc dạy học Toán cho học sinh khiếm thị tiểu học.	3	Học kỳ 2	Tự luận
16.	Ngôn ngữ kí hiệu	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ ký hiệu Việt Nam, vận dụng được cấu trúc ngữ pháp của NNKH Việt Nam trong giao tiếp cơ bản.	2	Học kỳ 2	Thực hành
17.	Thính học ứng dụng	Học phần giúp người học lĩnh hội được các kiến thức nền tảng về sinh lý thính giác và các dạng rối loạn thính giác; âm học và tiếng nói; các biện pháp hỗ trợ thính giác cho học sinh khiếm thính trong trường học. Trên cơ sở đó, người học đọc được	3	Học kỳ 2	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		các kết quả đo thính lực của học sinh, hỗ trợ thính học cho học sinh khiếm thính trong trường học.			
18.	Can thiệp rối loạn âm lời nói	Học phần Can thiệp rối loạn âm lời nói là học phần tự chọn thuộc nhóm học phần nền tảng ngành Giáo dục Đặc biệt. Học phần bao gồm 3 phần lí thuyết, 2 hoạt động thực tế bộ môn và các hoạt động thực hành. Thông qua học phần, người học lĩnh hội kiến thức về những vấn đề chung về sự phát triển lời nói và rối loạn âm lời nói ở trẻ em; đánh giá rối loạn âm lời nói; và các chiến lược can thiệp rối loạn âm lời nói ở trẻ em. Trên cơ sở các kiến thức về sự phát triển lời nói và các rối loạn âm lời nói ở trẻ em, học viên được thực hành các kĩ năng đánh giá và phân tích các rối loạn âm lời nói; và thực hiện các phương pháp can thiệp cơ bản cho trẻ có rối loạn âm lời nói.	3	Học kỳ 2	Tự luận
19.	Can thiệp rối loạn xử lí cảm giác	Học phần cung cấp kiến thức về những vấn đề chung về rối loạn điều hòa cảm giác, cách thức để sàng lọc, chẩn đoán, đánh giá trẻ rối loạn điều hòa cảm giác, từ đó đưa phương pháp can thiệp rối loạn điều hòa cảm giác. Trên cơ sở đó người học hình thành kiến thức và kĩ năng nền tảng cần thiết để ứng dụng trong can thiệp trẻ rối loạn điều hòa cảm giác.	3	Học kỳ 2	Thực hành
20.	Tiếng việt (mầm non)	Học phần giúp người học nắm vững kiến thức cơ bản về ngữ âm và ngữ âm tiếng Việt hiện đại (âm tiết, hệ thống âm vị, chính âm, chính tả); từ vựng và từ vựng tiếng Việt hiện đại (cấu tạo từ, nghĩa của từ, các lớp từ); ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt hiện đại (từ loại tiếng Việt, câu và liên kết câu, văn bản); phong cách học và phong cách học tiếng Việt hiện đại (các phong cách chức năng ngôn ngữ, một số biện pháp tu từ). Trên cơ sở đó, học phần giúp người học sử dụng tiếng Việt hiệu quả trong giao tiếp và phát triển ngôn ngữ cho trẻ.	2	Học kỳ 2	Tự luận
21.	Toán cơ sở (mầm non)	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức cơ bản về số tự nhiên, tập hợp, lý thuyết về quan hệ hai ngôi, quan hệ hàm, khái niệm ánh xạ và có khả năng ứng dụng vào hình thành biểu tượng về số tự nhiên, tập hợp, quan hệ, số lượng cho trẻ mầm non. Học phần cũng góp phần phát triển ở người học khả năng tư duy logic. Trên cơ sở	2	Học kỳ 2	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		này, Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng nền tảng để giải quyết được các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non			
22.	Tâm lý học mầm non 1	Học phần giúp người học lĩnh hội những lý luận chung về sự phát triển tâm lý trẻ em: một số trường phái chính, những vấn đề cơ bản về sự phát triển tâm lý trẻ em, các yếu tố tác động đến sự phát triển tâm lý trẻ em. Trên cơ sở đó, người học có khả năng ứng dụng lý luận tâm lý học trẻ em vào quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ cũng như tư vấn cho phụ huynh về phương pháp nuôi dạy trẻ phù hợp với lứa tuổi.	2	Học kỳ 2	Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm, Tự luận
23.	Giáo dục học đại cương	Học phần giúp người học hình thành và phát triển cho người học hệ thống tri thức và kỹ năng phân tích các vấn đề cơ bản về tính chất, chức năng, nhiệm vụ của giáo dục; vai trò của giáo dục đối với sự hình thành và phát triển nhân cách; đối tượng nghiên cứu và các khái niệm cơ bản của Giáo dục học; cấu trúc, nhiệm vụ, bản chất, động lực và hệ thống phương pháp dạy học theo các quan điểm dạy học truyền thống và hiện đại. Đồng thời, học phần cũng nhằm phát triển cho người học khả năng phân tích các đặc điểm, bản chất và nguyên tắc giáo dục; kỹ năng vận dụng phối hợp các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động giáo dục phát triển phẩm chất nhân cách.	2	Học kỳ 2	Thực hành
24.	Tâm lý học tiểu học	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản sự phát triển tâm lý của học sinh tiểu học, tâm lý học sư phạm tiểu học. Trên cơ sở đó, người học được hình thành kiến thức nền tảng cần thiết cho giáo viên vận dụng cho quá trình dạy học và giáo dục học sinh ở trường tiểu học.	3	Học kỳ 2	Tự luận, Thực hành
25.	Cơ sở Toán ở tiểu học	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức toán học về tập hợp, cấu trúc của tập hợp số tự nhiên và một số kiến thức cơ bản về hình học phẳng thường dùng trong quá trình dạy học toán ở bậc tiểu học.	2	Học kỳ 2	Tiểu luận
26.	Cơ sở Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về tiếng Việt: ngữ âm học (âm tiết, hệ thống âm vị, biến thể phương ngữ, chính âm, chính tả), từ vựng – ngữ nghĩa học (cấu tạo từ, nghĩa của từ, mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các từ, trường	2	Học kỳ 2	Thuyết trình

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		nghĩa, các lớp từ), ngữ pháp tiếng Việt hiện đại (từ loại, cụm từ, câu theo cấu trúc, câu theo mục đích phát ngôn); các phong cách chức năng ngôn ngữ, phương tiện và biện pháp tu từ phổ biến. Trên cơ sở đó, người học nâng cao kỹ năng phân tích, nhận diện, vận dụng các kiến thức về tiếng Việt để giải quyết các vấn đề về lí luận, thực tiễn trong giáo dục ngôn ngữ cho trẻ ở bậc mầm non hoặc tiểu học.			
27.	Tâm lý học mầm non 2	Học phần giúp người học lĩnh hội những đặc điểm tâm lý của trẻ từ 0 – 6 tuổi qua các giai đoạn lứa tuổi cụ thể: sơ sinh, hài nhi, ấu nhi, mẫu giáo với các mặt tâm lý xác định theo chương trình giáo dục mầm non mới: ngôn ngữ, nhận thức, tình cảm xã hội, thẩm mỹ. Trên cơ sở đó, học phần giúp người học có khả năng đánh giá sự phát triển tâm lý của trẻ và ứng dụng vào quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ cũng như tư vấn cho phụ huynh về phương pháp nuôi dạy trẻ phù hợp với lứa tuổi.	2	Học kỳ 3	Thuyết trình
28.	Giáo dục học mầm non	Học phần giúp người học hệ thống kiến thức và kỹ năng nền tảng ban đầu về giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non, gồm các nội dung: Các vấn đề lý luận chung của giáo dục học mầm non. Mô hình GDMN Việt Nam: Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục phát triển trẻ toàn diện 5 lĩnh vực (thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm - xã hội, thẩm mỹ); các nguyên tắc, hình thức, phương pháp, các điều kiện và đánh giá trong giáo dục trẻ mầm non. Các dạng hoạt động cơ bản của trẻ tại trường mầm non: vui chơi, học tập, tham quan dã ngoại và lễ hội sự kiện; tổ chức cuộc sống sinh hoạt của trẻ theo độ tuổi tại trường mầm non, lập kế hoạch giáo dục, người giáo viên mầm non; nội dung hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình.	3	Học kỳ 3	Tự luận, Đồ án
29.	Cơ sở Khoa học Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	Học phần cung cấp kiến thức về (1) Cơ sở tự nhiên ở tiểu học và (2) Cơ sở xã hội ở tiểu học. Học phần giúp người học có tri thức cơ bản ở lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, có liên quan trực tiếp đến các nội dung giáo dục ở bậc Tiểu học, bao gồm: Vật lý (Thiên văn, Vật chất, Năng lượng), Sinh học (giới sinh vật, sinh học động vật, sinh học thực vật), tổ chức và hoạt động cơ bản, các giá trị sống của con người, một số di sản văn hóa của nhân loại; lịch sử xây dựng, gìn giữ, phát triển của đất nước và dân tộc Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
30.	Giáo dục học tiểu học	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về mục tiêu, đối tượng, nhiệm vụ và nguyên tắc của quá trình giáo dục tiểu học; nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục - dạy học cho học sinh tiểu học. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng ban đầu trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục và dạy học ở trường tiểu học. Đồng thời, góp phần xây dựng môi trường giáo dục dân chủ, an toàn, thân thiện, lành mạnh và tạo động lực cho người học. Từ đó, người học định hướng việc học tập và tu dưỡng bản thân, đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông.	3	Học kỳ 3	Tự luận
31.	Tâm lý trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học có hệ thống kiến thức cơ bản về sự phát triển và đặc điểm tâm lý trẻ khuyết tật và vận dụng những kiến thức đó vào quá trình nghiên cứu tâm lý và dạy học trẻ khuyết tật cũng như quá trình tham vấn và hỗ trợ phụ huynh trẻ.	2	Học kỳ 3	Tiểu luận
32.	Giáo dục thể chất 3	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức nâng cao môn Thể thao (đặc điểm, phương pháp tập luyện và thi đấu một môn Thể thao) .Trên cơ sở những kiến thức lĩnh hội của học phần, người học có khả năng tự tổ chức tập luyện kỹ thuật một môn Thể thao cũng như vận dụng vào thi đấu, rèn luyện sức khỏe thể chất.	1	Học kỳ 3	Thực hành
33.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần giúp người học khám phá những nội dung về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hóa, đạo đức, con người. Trên cơ sở này, người học phân tích được nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, biết trân trọng, phát huy những giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cuộc sống và hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.	2	Học kỳ 3	Tự luận
34.	HP3: Quân sự chung	Học phần giúp người học lĩnh hội các chế độ sinh hoạt, học tập công tác ngày, tuần; thực hiện các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại; thực hiện Điều lệnh đội ngũ từng người có súng; Đội ngũ đơn vị và sử dụng bản đồ địa hình quân sự; Phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao; Ba môn quân sự phối hợp; Hiểu biết chung về các Quân, Binh chủng trong quân đội nhân dân	2	Học kỳ 3	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Việt Nam. Học phần sẽ giúp người học thể hiện trách nhiệm của người công dân đối với gia đình, nhà trường và xã hội.			
35.	Phát triển thị giác chức năng	Học phần giúp người học lĩnh hội kiến thức về cấu tạo mắt, cơ chế hoạt động của thị giác và những ảnh hưởng chức năng của các bệnh/tật mắt dẫn đến khiếm thị. Người học phân tích được các công việc cần thực hiện khi đánh giá thị giác chức năng, mô tả được nội dung và cách đánh giá từng nội dung của đánh giá thị giác chức năng. Người học được thực hành đánh giá thị giác chức năng cho trẻ khiếm thị, biết phân tích dữ liệu và viết báo cáo đánh giá thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém. Người học được trang bị kiến thức và cách thức phát triển thị giác chức năng cho trẻ nhìn kém dựa vào kết quả đánh giá thị giác chức năng. Từ đó, người học biết cách hỗ trợ thị giác cho trẻ nhìn kém trong học tập.	3	Học kỳ 3	Tự luận
36.	Định hướng di chuyển	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hướng dẫn định hướng di chuyển (ĐHDC) cho người khiếm thị. Nội dung của học phần bao gồm lịch sử hình thành và phát triển các kỹ thuật ĐHDC cho người khiếm thị; hệ thống phương tiện hỗ trợ trong ĐHDC; các kỹ năng cơ bản trong ĐHDC; các kỹ thuật định hướng di chuyển cơ bản khi đi với người hướng dẫn sáng; các kỹ thuật ĐHDC một mình không gây và có gây ở nhiều địa hình khác nhau. Ngoài ra, kiến thức về sơ đồ, bản đồ nổi cho người khiếm thị cũng được cung cấp trong học phần. Trên cơ sở đó, người học hình thành kiến thức và kỹ năng nền tảng cần thiết để vận dụng vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh khiếm thị ở trường mầm non, tiểu học.	3	Học kỳ 3	Tự luận
37.	Ngôn ngữ kí hiệu nâng cao	Học phần giúp người học phân tích được các quy tắc, cấu trúc cơ bản của ngôn ngữ kí hiệu, từ đó thực hành được các kỹ năng cơ bản trong việc chuyển thông tin từ ngôn ngữ kí hiệu sang tiếng Việt và ngược lại.	2	Học kỳ 3	Thuyết trình nhóm, Tự luận
38.	Phát triển kỹ năng nghe nói cho trẻ khiếm thính	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức về vai trò, nguyên tắc và chương trình phát triển kỹ năng nghe nói cho trẻ khiếm thính; các kỹ thuật và chiến lược trị liệu nghe nói; và cách thức phối hợp với phụ huynh và nhóm đa ngành trong quá trình phát triển kỹ năng nghe nói cho trẻ khiếm thính. Trên cơ sở lý thuyết, người học có thể xây dựng tiến trình phát triển nghe nói, thực hiện các kỹ năng trị	3	Học kỳ 3	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		liệu nghe nói, kỹ thuật hướng dẫn phụ huynh và phối hợp với nhóm đa ngành nhằm giúp trẻ phát triển kỹ năng nghe - nói cho trẻ khiếm thính, tạo điều kiện cho trẻ khiếm thính thành công trong quá trình giao tiếp và học tập hoà nhập.			
39.	Phát triển ngôn ngữ cho trẻ khiếm thính theo hướng tiếp cận song ngữ	Học phần cung cấp cho người học kiến thức chung về những vấn đề liên quan đến đường hướng tiếp cận song ngữ trong giáo dục trẻ khiếm thính, hiểu rõ về việc sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp theo hướng tiếp cận song ngữ cho trẻ khiếm thính; tiến trình, chiến lược phát triển giao tiếp cho trẻ khiếm thính theo hướng tiếp cận song ngữ ở cấp độ từ vựng, câu.	2	Học kỳ 3	Trắc nghiệm, Tiểu luận
40.	Giao tiếp hỗ trợ và thay thế	Học phần giúp người học có các kiến thức tổng quan toàn diện về hệ thống Giao tiếp hỗ trợ và thay thế (AAC), thực hành đánh giá và can thiệp để tăng cường giao tiếp và sự tham gia của những cá nhân có hạn chế nghiêm trọng về khả năng giao tiếp.	3	Học kỳ 3	Tiểu luận
41.	Can thiệp rối loạn tăng động giảm chú ý	Học phần giúp người học lĩnh hội được các kiến thức về các dạng rối loạn tăng động giảm chú ý (TĐGCY) ở trẻ em; một số biện pháp giáo dục trẻ có rối loạn TĐGCY từ đó vận dụng vào việc nhận dạng những trẻ này trong môi trường giáo dục, đề xuất các biện pháp giáo dục hợp lý hỗ trợ cho trẻ tăng động giảm chú ý trong môi trường lớp học.	3	Học kỳ 3	Thực hành
42.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần giúp người học lĩnh hội về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa của Đảng. Trên cơ sở này, người học hình thành ý thức, trách nhiệm chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước. Người học biết vận dụng kiến thức, kỹ năng của khoa học lịch sử Đảng vào giải quyết được các vấn đề trong thực tiễn.	2	Học kỳ 4	Thực hành
43.	Đánh giá trong giáo dục Mầm non - Tiểu học	Học phần giúp người học xác định được một số vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; một số loại hình đánh giá trong giáo dục; phương pháp và công cụ đánh giá trong dạy học và giáo dục và cách thức sử dụng kết quả đánh giá trong dạy học môn học. Trên cơ sở này, người học có thể sử dụng phương pháp, công cụ	2	Học kỳ 4	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận phát triển phẩm chất, năng lực của người học; người học xác định được cách thức cung cấp thông tin của người học cho các bên liên quan và tiếp nhận thông tin phản hồi một cách tích cực, đúng yêu cầu và sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả và sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra, đánh giá.			
44.	Giáo dục học trẻ khuyết tật	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về lịch sử và mô hình giáo dục trẻ khuyết tật; luật và chính sách về người khuyết tật ở Việt Nam; các quan điểm giáo dục trẻ khuyết tật; cơ sở lý luận về giáo dục và dạy học cho trẻ khuyết tật.	3	Học kỳ 4	Tự luận
45.	Phương pháp nghiên cứu khoa học và sự phạm ứng dụng	Học phần sẽ giúp người học có kiến thức nền tảng để có thể thực hiện được một công trình nghiên cứu khoa học, bao gồm khoa học cơ bản và ứng dụng trong sự phạm và trình bày được kết quả công trình nghiên cứu khoa học dạng văn nói và văn viết.	2	Học kỳ 4	Tự luận
46.	HP4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, sử dụng một số loại lựu đạn thông thường; thực hành các bài chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, từng người trong chiến đấu phòng ngự, từng người làm nhiệm vụ tuần tra, canh gác. Học phần sẽ giúp người học thể hiện trách nhiệm của người công dân đối với xã hội.	4	Học kỳ 4	Thực hành
47.	Lý luận dạy học mầm non	Học phần giúp người học hiểu đặc thù và mục đích của dạy học ở bậc mầm non; các cách tiếp cận trong dạy học ở bậc mầm non đang được áp dụng ở Việt Nam và trên thế giới; các nguyên tắc dạy học ở bậc mầm non; nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học ở bậc mầm non và một số yếu tố giúp nâng cao chất lượng dạy học cho trẻ mầm non.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Trắc nghiệm
48.	Phương pháp dạy Tiếng Việt tiểu học 1	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản của việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, bao gồm các khái niệm về phương pháp, biện pháp, các đặc điểm của việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, các nguyên tắc, phương pháp dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học, cách thức xây dựng kế hoạch bài dạy, ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị dạy học. Bên cạnh đó, người học cũng được	3	Học kỳ 4	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		lĩnh hội các kiến thức và rèn luyện kỹ năng về dạy học Học vắn. Trên cơ sở này, người học vận dụng, thực hành nhằm nâng cao năng lực dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.			
49.	Phương pháp học tập hiệu quả	Học phần nhằm phát triển cho người học năng lực xác định phong cách học tập của bản thân, phát triển các kỹ năng học tập hiệu quả cụ thể cho người học, đồng thời rèn luyện kỹ năng vận dụng những kỹ năng học tập hiệu quả trong học tập các nội dung học phần ở đại học	2	Học kỳ 4	Tiểu luận
50.	Kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng để rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học: kỹ năng thích ứng và kỹ năng giải quyết vấn đề. Bao gồm các nội dung liên quan đến vai trò của kỹ năng, quy trình, các bước và cách thức rèn luyện các kỹ năng này. Học phần có các nội dung thực hành xen kẽ lý thuyết nhằm giúp người học vận dụng được các thao tác, hành vi liên quan đến kỹ năng để xử lý các tình huống giả định và liên hệ với thực tiễn trong công việc và cuộc sống. Trên cơ sở này, người học có khả năng giải quyết được vấn đề hiệu quả hơn và thể hiện sự thích ứng với hoàn cảnh mới, với công việc, với các mối quan hệ khác	2	Học kỳ 4	Thực hành
51.	Kỹ năng làm việc nhóm và tư duy sáng tạo	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng mềm cần thiết cho người học: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo. Bao gồm vai trò của kỹ năng, kỹ năng thành phần của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ thuật tư duy sáng tạo và biện pháp rèn luyện cho mỗi kỹ năng. Trên cơ sở đó, người học vận dụng được các kỹ năng mềm này để tham gia, tổ chức nhóm hiệu quả và sử dụng các nguồn lực của bản thân và nhóm để giải quyết vấn đề mới mẻ, độc đáo hơn	2	Học kỳ 4	Tự luận
52.	Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chung về ứng dụng trí tuệ nhân tạo và ứng dụng của nó trong giáo dục. Học phần giúp người học có khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo để giải quyết một số vấn đề trong giáo dục và định hướng việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp theo nhu cầu.	2	Học kỳ 4	Tự luận, Trắc nghiệm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
53.	Giáo dục đời sống	Nhóm học phần Giáo dục đời sống gồm các học phần gắn liền với cuộc sống như: Kỹ thuật chế biến các món ăn; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật cắt may; Kỹ thuật trang điểm; Kỹ thuật làm các loại hoa giả từ các nguyên liệu khác nhau (giấy nhún, vải voan); Kỹ thuật cắt tỉa rau củ trang trí món ăn.... Thông qua những học phần Giáo dục đời sống người học lĩnh hội được những kiến thức, kỹ năng cơ bản trong cuộc sống nhằm tự phục vụ cho bản thân và gia đình	2	Học kỳ 4	Tự luận
54.	Phát triển chương trình giáo dục trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học lĩnh hội những khái niệm cơ bản về chương trình giáo dục, phát triển chương trình. Người học phân tích được các cách tiếp cận, nguyên tắc, mô hình và quy trình phát triển chương trình. Trên cơ sở vận dụng các lý thuyết phát triển chương trình, người học có thể xây dựng kế hoạch dạy học, giáo dục và phát triển chương trình giáo dục đặc biệt trong nhà trường theo định hướng phát triển năng lực học sinh phù hợp với điều kiện thực tiễn, từ đó thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học và giáo dục trẻ khuyết tật.	3	Học kỳ 5	Tiểu luận
55.	Can thiệp sớm trẻ khiếm thị	Học phần giúp người học hiểu được ảnh hưởng của khiếm thị đối với các mặt phát triển của trẻ mầm non; lĩnh hội những tri thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực can thiệp sớm cho trẻ khiếm thị; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng phối hợp với phụ huynh và nhóm đa ngành trong can thiệp sớm cho trẻ khiếm thị. Trên cơ sở đó, người học vận dụng đánh giá phát triển cho trẻ khiếm thị, xây dựng kế hoạch can thiệp và thiết kế giờ can thiệp cá nhân cho trẻ khiếm thị.	3	Học kỳ 5	Tự luận
56.	Can thiệp sớm trẻ khiếm thính	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính; xây dựng được kế hoạch bài dạy, thiết kế và thực hành các hoạt động trong can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng tư vấn phụ huynh và phối hợp với nhóm đa ngành trong chương trình can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính.	3	Học kỳ 5	Tự luận
57.	Can thiệp sớm và giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ mầm non	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức về khái niệm, quy trình, chương trình, phương pháp thực hiện can thiệp sớm và giáo dục cho trẻ khuyết tật trí tuệ độ tuổi mầm non. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào quá trình xác định	3	Học kỳ 5	Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		mục tiêu, xây dựng kế hoạch giáo dục, lên kế hoạch can thiệp sớm và hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật trí tuệ độ tuổi mầm non.			
58.	Phương pháp dạy học trẻ khiếm thị ở tiểu học 1	Học phần giúp người học có kiến thức và kỹ năng điều chỉnh phương pháp dạy học Toán và Tự nhiên xã hội cho trẻ khiếm thị ở tiểu học. Từ đó, người học vận dụng vào quá trình tổ chức dạy học Toán và Tự nhiên xã hội cho trẻ khiếm thị ở tiểu học.	3	Học kỳ 5	Tiểu luận
59.	Phương pháp dạy học trẻ khiếm thính ở tiểu học 1	Học phần giúp người học xây dựng được kế hoạch dạy học, thực hành được các phương pháp, kỹ thuật dạy học cho học sinh khiếm thính với các môn học đặc thù theo chương trình giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ khiếm thính tiểu học cũng như các môn học chung với kế hoạch bài dạy phù hợp với đặc điểm học tập của học sinh khiếm thính tiểu học trong môi trường giáo dục chuyên biệt.	4	Học kỳ 5	Tiểu luận
60.	Phương pháp dạy học trẻ khuyết tật phát triển ở tiểu học 1	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức về cơ sở xác định phương pháp dạy học cho trẻ KTTT, các phương pháp dạy học phổ biến cho trẻ KTTT, và điều chỉnh chương trình giáo dục tiểu học khi dạy trẻ KTTT. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để xây dựng kế hoạch dạy học các môn học khác nhau phù hợp với đặc điểm của học sinh KTTT độ tuổi tiểu học.	3	Học kỳ 5	Tiểu luận
61.	Phương pháp khám phá khoa học và xã hội	Học phần giúp người học phân tích được tầm quan trọng của hoạt động khám phá khoa học và xã hội đối với trẻ mầm non; đặc điểm nhận thức tự nhiên và xã hội ở tuổi mầm non và vai trò hỗ trợ của giáo viên. Học phần giúp người học có thể phân tích các cách tiếp cận và nguyên tắc chung trong tổ chức hoạt động khám phá khoa học và xã hội cho trẻ mầm non. Học phần hình thành cho người học khả năng đánh giá khả năng, kinh nghiệm, hứng thú của trẻ để xác định mục tiêu, lập kế hoạch và chuẩn bị môi trường thích hợp cho trẻ khám phá. Trên các cơ sở này, học phần hình thành ở người học khả năng phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức giúp trẻ khám phá khoa học và xã hội tích cực và hứng thú.	3	Học kỳ 5	Thực hành
62.	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	Học phần giúp người học hệ thống kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức quá trình giáo dục hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non bao gồm: xác định nhiệm vụ,	3	Học kỳ 5	Tiểu luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		Cơ sở khoa học, đặc điểm, nội dung, phương pháp, phương tiện, hình thức; cách thức phát triển chương trình, lập kế hoạch và đánh giá hoạt động giáo dục.			
63.	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Học phần giúp người học có thể đánh giá sự phát triển ngôn ngữ của trẻ để xác định mục tiêu, lập kế hoạch và xây dựng môi trường phù hợp giúp trẻ phát triển ngôn ngữ. Học phần cũng giúp người học có thể phối hợp các phương pháp và hình thức tổ chức khác nhau, phối hợp gia đình và nhà trường để phát triển ngôn ngữ cho trẻ hiệu quả.	3	Học kỳ 5	Tiểu luận
64.	Phương pháp dạy Tiếng Việt tiểu học 2	Học phần giúp người học có kiến thức, kỹ năng và phương pháp hình thành và phát triển năng lực dạy học đọc, viết, nói và nghe ở tiểu học cho người học. Thông qua học phần, người học phân tích được những khó khăn và thuận lợi của học sinh tiểu học khi học các kỹ năng ngôn ngữ; hiểu được các cách tiếp cận, chương trình và tài liệu, phương pháp dạy học của từng kỹ năng ngôn ngữ. Đồng thời, người học vận dụng lý thuyết đã học để thực hành tập giảng theo mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông và mục tiêu của Chương trình môn Ngữ văn (dành cho cấp tiểu học).	4	Học kỳ 5	Tự luận
65.	Phương pháp dạy Toán tiểu học	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp dạy học toán ở Tiểu học theo định hướng chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành, đồng thời bước đầu thực hành một số phương pháp, kỹ thuật tổ chức dạy học toán ở Tiểu học. Qua đó, người học có cơ hội phát triển năng lực vận dụng tri thức khoa học tự nhiên, xã hội và khuyết tật để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn trong giáo dục trẻ khuyết tật bậc tiểu học.	3	Học kỳ 5	Tự luận
66.	Phương pháp dạy khoa học Tự nhiên – Xã hội tiểu học	Học phần giúp người học có kiến thức về mục tiêu, nội dung chương trình môn Tự nhiên – Xã hội ở bậc Tiểu học; phương tiện, hình thức tổ chức dạy học, phương pháp dạy học và cách thức đánh giá trong dạy học môn Tự nhiên – Xã hội, từ đó vận dụng tổ chức dạy học tự nhiên và xã hội hiệu quả cho học sinh tiểu học.	2	Học kỳ 5	Tự luận
67.	Kế hoạch giáo dục cá nhân	Học phần giúp người học trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển và ý nghĩa, quy trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân; thực hành xây dựng các mục tiêu	2	Học kỳ 6	Thực hành

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		giáo dục cho trẻ khuyết tật, từ đó xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho 01 trường hợp trẻ khuyết tật trong quá trình dạy học.			
68.	Ứng dụng công nghệ trong dạy học trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học có kiến thức về một số ứng dụng công nghệ trong dạy học cho trẻ khuyết tật; một số thiết bị công nghệ hỗ trợ cho người khuyết tật. Trên cơ sở đó, người học được rèn luyện các kỹ năng sử dụng các thiết bị, phần mềm cơ bản để ứng dụng trong tổ chức dạy học cho trẻ khuyết tật.	2	Học kỳ 6	Tiểu luận
69.	Đánh giá trong giáo dục đặc biệt	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về đánh giá trẻ khuyết tật như mục đích, nguyên tắc, quy trình, phương pháp và các loại hình đánh giá phát triển và đánh giá học tập trẻ khuyết tật. Trên cơ sở đó, người học được hình thành kỹ năng đánh giá và sử dụng một số công cụ phù hợp để đánh giá trẻ khuyết tật.	4	Học kỳ 6	Tiểu luận
70.	Tham vấn phụ huynh trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tham vấn và vận dụng các kiến thức đó để bước đầu thực hiện công tác tham vấn cho phụ huynh của trẻ khuyết tật.	2	Học kỳ 6	Tiểu luận
71.	Giáo dục giới tính trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học lĩnh hội được các kiến thức cơ bản về giới tính, các giai đoạn phát triển giới tính ở trẻ em và những vấn đề về giáo dục giới tính cho trẻ khuyết tật. Trên cơ sở đó, người học vận dụng xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục giới tính cho trẻ khuyết tật.	2	Học kỳ 6	Thuyết trình nhóm, Tự luận
72.	Thực hành dạy học trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học thực hành những phương pháp, kỹ thuật can thiệp, dạy học nằm trong quy trình tổ chức giờ dạy cá nhân và giờ dạy nhóm với các môn/phân môn khác nhau, và các môi trường giáo dục khác nhau (hoà nhập, chuyên biệt) theo kế hoạch dạy học cho trẻ khuyết tật mầm non hoặc tiểu học ở các dạng tật khác nhau.	2	Học kỳ 6	Trắc nghiệm
73.	Giáo dục trẻ khiếm thị mầm non	Học phần giúp người học hiểu được đặc điểm học tập của trẻ khiếm thị mầm non; phân tích được phương hướng và cách thức điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, môi trường, hình thức tổ chức giáo dục và đánh giá kết quả giáo	3	Học kỳ 6	Trắc nghiệm

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		dục trẻ khiếm thị. Trên cơ sở đó, người học vận dụng xây dựng kế hoạch giáo dục và thiết kế soạn giáo án dạy trẻ khiếm thị mầm non.			
74.	Giáo dục trẻ khiếm thính mầm non	Học phần giúp người học lĩnh hội được kiến thức về tình hình giáo dục cho trẻ khiếm thính tại Việt Nam, phương pháp giáo dục cho trẻ khiếm thính mầm non; trình bày được các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ khiếm thính; xây dựng kế hoạch giáo dục và kế hoạch chuyên tiếp cho trẻ khiếm thính mầm non.	3	Học kỳ 6	Thực hành
75.	Can thiệp sớm và giáo dục trẻ rối loạn phổ tự kỉ mầm non	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực can thiệp sớm cho trẻ RLPTK; thực hành can thiệp sớm cho trẻ RLPTK; đồng thời giúp người học rèn luyện kỹ năng điều chỉnh chương trình giáo dục để trẻ RLPTK học hòa nhập và xây dựng được kế hoạch chuyên tiếp nhằm hỗ trợ cá nhân cho trẻ trong trường Mầm non hòa nhập.	3	Học kỳ 6	Tự luận
76.	Phương pháp dạy học trẻ khiếm thị ở tiểu học 2	Học phần giúp người học có kiến thức và kỹ năng điều chỉnh phương pháp dạy học Toán và Tự nhiên xã hội cho trẻ khiếm thị ở tiểu học. Từ đó, người học vận dụng vào quá trình tổ chức dạy học Toán và Tự nhiên xã hội cho trẻ khiếm thị ở tiểu học.	3	Học kỳ 6	Tự luận
77.	Phương pháp dạy học trẻ khiếm thính ở tiểu học 2	Người học sẽ lĩnh hội được các kiến thức về những vấn đề chung về dạy học trẻ khiếm thính tiểu học trong môi trường giáo dục hoà nhập, điều chỉnh trong dạy học hoà nhập cho trẻ khiếm thính tiểu học, và cách thiết kế kế hoạch bài dạy cho trẻ khiếm thính hoà nhập bậc tiểu học. Trên cơ sở đó, người học thực hành xây dựng được kế hoạch dạy học và kế hoạch hỗ trợ có điều chỉnh phù hợp với đặc điểm học tập của học sinh khiếm thính; thực hành các phương pháp, kỹ thuật dạy học học sinh khiếm thính trong môi trường giáo dục hoà nhập.	2	Học kỳ 6	Tự luận
78.	Phương pháp dạy học trẻ khuyết tật phát triển ở tiểu học 2	Học phần giúp người học lĩnh hội được những kiến thức về các đặc điểm phát triển của trẻ RLPTK độ tuổi tiểu học, các phương pháp dạy học các môn/phân môn phù hợp với trẻ RLPTK tiểu học cũng như việc điều chỉnh chương trình giáo dục tiểu học khi dạy trẻ RLPTK. Trên cơ sở đó, người học vận dụng để xây dựng kế hoạch dạy học các môn học khác nhau phù hợp với đặc điểm của học sinh RLPTK độ tuổi tiểu học.	3	Học kỳ 6	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
79.	Khởi nghiệp dành cho sinh viên sư phạm	Học phần giúp người học lĩnh hội những tri thức cơ bản về khởi nghiệp: khái niệm, bản chất, đặc điểm, vai trò, một số loại hình, chính sách của nhà nước; và phẩm chất, năng lực của nhà khởi nghiệp; ý tưởng khởi nghiệp: nhận diện cơ hội, xây dựng mô hình kinh doanh; tổ chức hoạt động giáo dục khởi nghiệp trong nhà trường phổ thông: khái niệm, vai trò, mục tiêu, nội dung, phương thức giáo dục khởi nghiệp. Trên cơ sở đó, người học vận dụng vào xây dựng các dự án khởi nghiệp cho bản thân và xây dựng kế hoạch giáo dục khởi nghiệp cho học sinh phổ thông.	2	Học kỳ 7	Tự luận
80.	Thực tập sư phạm 1	Học phần giúp người học tìm hiểu cơ cấu tổ chức và hoạt động giáo dục tại cơ sở giáo dục hòa nhập và giáo dục chuyên biệt; tìm hiểu vai trò, nhiệm vụ của người giáo viên dạy chuyên biệt và hỗ trợ giáo dục hòa nhập và bước đầu thực hành các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật ở trường chuyên biệt và cơ sở giáo dục hòa nhập theo chuyên ngành sâu và bậc học mầm non hoặc cấp học tiểu học mà người học lựa chọn.	4	Học kỳ 7	Tiểu luận
81.	Quản lý hành vi trẻ khuyết tật	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về các lý thuyết hành vi, các khái niệm và các nguyên tắc về hành vi; quy trình đánh giá chức năng hành vi; các biện pháp quản lý hành vi phổ biến và quy trình xây dựng kế hoạch can thiệp hành vi. Trên cơ sở này, người học nhận diện, phân tích và xác định được các biện pháp để quản lý các hành vi có vấn đề ở học sinh khuyết tật, xây dựng một môi trường học tập hiệu quả cho học sinh có và không có hành vi có vấn đề.	3	Học kỳ 7	Thuyết trình nhóm, Thảo luận nhóm, Tự luận
82.	Phương pháp dạy trẻ rối loạn ngôn ngữ	Học phần giúp người học có các kiến thức về các dạng khiếm khuyết liên quan đến ngôn ngữ của trẻ, trên cơ sở đó hướng dẫn người học một số phương pháp phát triển ngôn ngữ, để có thể xây dựng kế hoạch can thiệp cho trẻ bị rối loạn ngôn ngữ.	3	Học kỳ 7	Thuyết trình nhóm, Tự luận
83.	Giáo dục trẻ khuyết tật vận động	Học phần giúp người học lĩnh hội được khái niệm, phân loại và đặc điểm từng dạng khuyết tật vận động; can thiệp sớm trẻ khuyết tật vận động và cách phối hợp giữa các thành phần tham gia vào quá trình giáo dục, hỗ trợ trẻ khuyết tật vận động.	3	Học kỳ 7	Thực hành
84.	Phương pháp dạy trẻ khuyết tật học tập	Học phần giúp người học lĩnh hội những kiến thức cơ bản về khuyết tật học tập như khái niệm, nguyên nhân, các dạng khuyết tật học tập (chứng khó đọc, chứng khó	3	Học kỳ 7	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		viết, chứng khó tính toán), các chiến lược dạy trẻ đánh vần, đọc, viết, tính toán. Trên cơ sở đó, người học được hình thành kỹ năng xây dựng chiến lược hỗ trợ trẻ có khó khăn chuyên biệt trong học tập ở trường tiêu học và trường phổ thông, giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giáo dục trẻ khuyết tật bậc tiểu học.			
85.	Giáo dục trẻ đa tật	Học phần cung cấp những vấn đề chung về rối loạn xử lý cảm giác, cách thức để sàng lọc, đánh giá trẻ rối loạn xử lý cảm giác, từ đó đưa phương pháp can thiệp rối loạn xử lý cảm giác. Trên cơ sở đó người học hình thành kiến thức và kỹ năng nền tảng cần thiết để ứng dụng trong can thiệp trẻ rối loạn xử lý cảm giác.	3	Học kỳ 7	Tự luận
86.	Thực tập sư phạm 2	Học phần giúp người học rèn luyện kỹ năng chuẩn bị và lập kế hoạch dạy học và giáo dục; rèn luyện năng lực tổ chức giáo dục và dạy học theo chuyên ngành sâu và bậc học mầm non hoặc cấp học tiểu học mà người học lựa chọn, tiền đề để trở thành người giáo viên giáo dục đặc biệt có phẩm chất tốt và năng lực giỏi ở cả môi trường giáo dục chuyên biệt và hòa nhập.	6	Học kỳ 8	Thực hành
87.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu khoa học về một vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên ngành, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn; không trùng lặp với các công trình khoa học đã công bố. Thông qua thực hiện khóa luận tốt nghiệp, người học vận dụng được các phương pháp, công cụ nghiên cứu phù hợp, cùng với kiến thức và kỹ năng của chuyên ngành để giải quyết vấn đề chuyên môn độc lập, hiệu quả và sáng tạo, bảo vệ được quan điểm cá nhân một cách thuyết phục.	6	Học kỳ 8	Tự luận
88.	Sản phẩm nghiên cứu khoa học	Học phần sản phẩm nghiên cứu khoa học là một trong hai lựa chọn của học phần bắt buộc thay thế khóa luận thuộc nhóm học phần tốt nghiệp. Sản phẩm nghiên cứu khoa học có thể là một trong các hình thức: bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí và kì yếu hội thảo có chỉ số, báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học hoặc tiểu luận nghiên cứu khoa học,... thuộc lĩnh vực chuyên ngành, được người học thực hiện trong thời gian được đào tạo tại trường. Thông qua việc thực hiện sản phẩm nghiên cứu, người học vận dụng được các phương pháp, công cụ nghiên cứu phù hợp, cùng với kiến thức và kỹ năng của chuyên ngành để giải quyết vấn đề chuyên	3	Học kỳ 8	Tự luận

STT	Tên học phần	Mục đích học phần	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá người học
		môn một cách độc lập, hiệu quả, sáng tạo, bảo vệ được quan điểm cá nhân một cách thuyết phục.			
89.	Hồ sơ tốt nghiệp	Học phần hồ sơ tốt nghiệp bao gồm việc thực hiện và tập hợp các minh chứng thể hiện quá trình hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp. Các minh chứng được người học thu thập một cách hệ thống qua các học phần có liên quan tại Trường và các đợt thực tế, thực tập ở cơ sở thực tập. Qua việc chiêm nghiệm, phân tích và đánh giá, người học viết một báo cáo thể hiện lí tưởng, triết lí nghề nghiệp, năng lực định hướng khởi nghiệp cho bản thân, từ đó xác định được hướng phát triển nghề nghiệp của bản thân trong tương lai.	3	Học kỳ 8	Thực hành

2. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn
1	Đại học	Khả năng ứng phó với stress của phụ huynh có con khuyết tật trí tuệ lứa tuổi vị thành niên	Nguyễn Lê Trường Vi	ThS. Huỳnh Thị Hoàng Oanh
2	Đại học	Khó khăn của giáo viên mầm non dạy hòa nhập cho trẻ chậm nói tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Thị Cẩm Thu	ThS. Nguyễn Ngọc Nam Phương

HIỆU TRƯỞNG

Huỳnh Văn Sơn